

GIÁO DỤC KHAI PHÓNG VÀ SỰ ĐỊNH HÌNH TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VIỆT NAM CỘNG HÒA (1955 - 1975)

Phạm Ngọc Bảo Liêm

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: pnbliem@gmail.com

Ngày nhận bài: 16/6/2022; ngày hoàn thành phản biện: 17/6/2022; ngày duyệt đăng: 22/6/2022

TÓM TẮT

Sau khi chính thể Việt Nam Cộng hòa ra đời ở miền Nam Việt Nam (1955), vấn đề giáo dục nhận được sự quan tâm của nhiều giới trong xã hội. Tuy vậy, trong giai đoạn đầu chính sách giáo dục của chính quyền chưa được định hình rõ nét. Phải đến năm 1958, khi Đại hội Giáo dục Toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức thì triết lý giáo dục Việt Nam Cộng hòa mới được khẳng định với ba nguyên tắc: nhân bản - dân tộc - khai phóng.

Sự thấu nhận những điểm hợp lý của truyền thống giáo dục phương Tây - vốn hiện diện và phát triển ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX - đã góp phần quan trọng vào việc định hình triết lý giáo dục Việt Nam Cộng hòa.

Việc xác định các nguyên tắc định hướng cho nền giáo dục đã giúp cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa xây dựng được các mục tiêu cụ thể của nền giáo dục, hoạch định chính sách phát triển giáo dục, chương trình học, phương pháp sư phạm và cách thức quản trị nền giáo dục phù hợp.

Từ khóa: Giáo dục khai phóng, triết lý giáo dục, Việt Nam Cộng hòa, 1955 - 1975.

1. VÀI NÉT VỀ GIÁO DỤC KHAI PHÓNG VÀ QUÁ TRÌNH DU NHẬP, SỰ HIỆN DIỆN CỦA GIÁO DỤC PHƯƠNG TÂY Ở VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX

Về nguồn gốc, giáo dục khai phóng (liberal education) được định hình ở phương Tây thời Hy Lạp dưới khái niệm giáo dục nhân văn. Nội dung của giáo dục nhân văn có sự biến đổi nhất định qua các thời kỳ lịch sử. Từ *paideia* thời Hy Lạp qua *humanitas* thời La Mã, *artes liberales* (liberal arts) thời Trung cổ, *humanism* thời Phục hưng, *Bildung* ở nước Đức thế kỷ XIX. Mục đích của giáo dục nhân văn nhằm tạo ra “một con người toàn diện, cả thân thể và tâm hồn, giác quan và lí trí, tính cách và tinh thần, xem con người là một chủ thể tuyệt đối.” [16, tr. 10].

Giáo dục đại học cổ điển của Âu châu (với điển hình là các đại học Cambridge và Oxford, Anh quốc) chủ trương giảng dạy bảy môn nhân văn: văn phạm, hùng biện, biện chứng/logic (gọi chung là Trivium), âm nhạc, số học, hình học, thiên văn (gọi chung là Quadrium) cho chúng chỉ cử nhân.

Ở Hoa Kỳ cuối thế kỷ XIX nửa đầu thế kỷ XX, người ta hiểu giáo dục khai phóng “có mục đích giải phóng trí tuệ con người, làm cho nó tự do” [16, tr. 11].

Giáo dục khai phóng là một quan niệm giáo dục phổ biến được các nhà giáo dục phương Tây xem như là kim chỉ nam định hướng cho nền giáo dục. “Giáo dục khai phóng là một lãnh vực rộng, bao gồm những môn học không phải thuần kỹ thuật, hay khoa học chuyên môn, mà liên quan đến nghệ thuật, âm nhạc, lịch sử, triết học, văn học, ngôn ngữ, v.v..., tức mang tính nhân văn. Nó nhằm đào tạo con người toàn diện, phát triển nhiều khả năng, tạo nên tri thức rộng, tạo ý thức lịch sử, nhân loại, để làm công dân, làm người văn hóa, hơn là một chuyên gia trong một lãnh vực chuyên môn”. [16, tr. 9]. Nền giáo dục khai phóng “không dạy cái đặc thù của bất kỳ nghề nghiệp nào mà là đặt nền móng chung cho tất cả mọi nghề nghiệp.” [16, tr. 66]

Ở Việt Nam, trong một thời gian khá dài, thuật ngữ “khai phóng” được hiểu là sự cởi mở trong việc tiếp nhận cái mới (nói chung), tri thức mới, tiến bộ, những điều tốt đẹp từ bên ngoài (đặt trong sự đối sánh với cái cũ kĩ, lạc hậu, kém phát triển đang hiện hữu).

Cùng với quá trình xâm lược và đô hộ của thực dân Pháp, bên cạnh các khía cạnh chính trị, quân sự, kinh tế... các vấn đề về truyền bá/du nhập văn hóa, văn minh, tư tưởng, giáo dục phương Tây vào Việt Nam luôn được chú ý ở cả chiều của kẻ đi “khai hóa văn minh” và cả ở chiều của kẻ tiếp nhận.

Đối với Việt Nam, trên địa hạt giáo dục, diễn trình ấy kéo dài trong mấy chục năm trời kể từ khi Pháp chính thức đặt chân lên Nam kỳ, lập trường D’Adran (Bá Đa Lộc) ngày 21/9/1861 cho đến sự thay đổi chính sách giáo dục qua các đợt cải cách giáo dục lần thứ nhất (1906), lần thứ hai (1917) và sự thành lập các cơ sở giáo dục bậc cao (đại học, cao đẳng) những thập niên sau đó. [1]

Trong việc học hỏi văn minh phương Tây nói chung, ngay từ cuối thế kỷ XIX Nguyễn Trường Tộ - đại biểu cho xu hướng/tư tưởng canh tân ở Việt Nam - đã nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề này trong việc tăng cường tiềm lực mọi mặt cho đất nước. Ông chủ trương phê phán hư học, chú trọng thực học, đề cao việc học tập nền giáo dục phương Tây, coi “học thuật phương Tây là một mô hình tốt, nên học tập.” [10, tr. 90].

Cũng trong thời gian này, sự lớn mạnh của Nhật Bản sau Minh Trị duy tân được xem là “hình mẫu” của việc học tập phương Tây để tự cường dân tộc. Đến nỗi, “không những Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh nối gót nhau qua Nhật (1905-1906)

để được chứng kiến tận mắt bài học Âu hóa, các chí sĩ khác của châu Á (đặc biệt là Trung Hoa, Ấn Độ và Phi Luật Tân) cũng “đông du” đông đảo để được chiêm ngưỡng tại chỗ bài học duy tân của Nhật.” [2, tr. 105]

Sau nhiều thảo luận, học hỏi và quan sát tình hình trong và ngoài nước, tháng 3.1907 một số sĩ phu yêu nước có cùng chí hướng (Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Lê Đại, Hoàng Tăng Bí...) quyết định mở trường Đông Kinh nghĩa thực tại Hà Nội. [12, tr. 8] Đông Kinh nghĩa thực - ở khía cạnh giáo dục¹ là kết quả của sự kết hợp tư duy giáo dục truyền thống Việt Nam và những yếu tố, tư tưởng giáo dục mới của thời đại. Trong kho tàng trước tác liên quan đến ngôi trường này, Văn minh tân học sách (những kế sách nhằm xây dựng một nền học mới để đạt đến văn minh) là tác phẩm khá quan trọng². Đây là tác phẩm có đóng góp quan trọng vào sự chuyển hướng tư tưởng của phong trào quốc gia - dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX. Nó đặt ra vấn đề về “sự cập nhật hóa nền văn minh cổ truyền với thời đại, vai trò của dân trí đối với tiến bộ xã hội và phát triển quốc gia, sự phát huy những di sản văn hóa dân tộc đồng thời với việc tiếp nhận giá trị của thế giới, trong đó dân chủ và khoa học là những yếu tố có sức năng động.” [13, tr. 199]

2. SỰ ĐỊNH HÌNH TRIẾT LÝ GIÁO DỤC Ở MIỀN NAM VIỆT NAM DƯỚI CHÍNH THỂ VIỆT NAM CỘNG HÒA TỪ NĂM 1955 ĐẾN NĂM 1975

Năm 1955 chính thể Việt Nam Cộng hòa được xác lập ở miền Nam Việt Nam³. Sau khi tạm ổn định tình hình chính trị - quân sự, chính quyền Ngô Đình Diệm bắt đầu chú ý giải quyết các vấn đề văn hóa - xã hội. Thời gian này, vấn đề giáo dục nhận được sự quan tâm của các giới ở miền Nam nhằm “kiến thiết lại nền học vấn quốc gia”. Bởi như nhận xét của Giáo sư Nguyễn Văn Trung: “Nền giáo dục nói chung, và nền đại học nói riêng ở miền Nam Việt Nam hiện nay, về căn bản, vẫn chỉ là một thừa hưởng nền học chính thuộc địa do thực dân Pháp thành lập.” [14, tr. 43]. Để tạo điều kiện cho

¹ Bên cạnh các hoạt động giáo dục, Đông Kinh nghĩa thực còn có các hoạt động xã hội và kinh tế. Nhà nghiên cứu Chương Thâu khẳng định “Đông Kinh nghĩa thực không phải là một trường học thuần túy, cũng không đơn thuần là một phong trào cải cách văn hóa xã hội, mà thực chất, nó là một cuộc vận động chính trị tư sản xuất hiện ở nước ta đầu thế kỷ XX, nó chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và dân chủ.” [3, tr. 86]

² Đặng Thai Mai cho rằng, luận văn này được viết trước năm 1904, đến 1907 mới được Đông Kinh ấn hành. [13, tr. 201]

³ Tuyên bố không chịu trách nhiệm về việc thi hành các điều khoản của Hiệp định Genève 1954, đến ngày 23/10/1955 Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc “Trung cầu dân ý” với kết quả là Quốc trưởng Bảo Đại của Quốc gia Việt Nam bị phế truất. Ba ngày sau, ngày 26/10/1955, Ngô Đình Diệm ban hành Hiến ước tạm thời, tuyên bố sự ra đời của chính thể cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. [6, tr. 56]

giáo dục phát triển, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã thực hiện một số chính sách mới đối với giáo dục.

Điều 26 Hiến pháp năm 1956 của chính quyền Việt Nam Cộng hòa quy định: “Quốc gia cố gắng cho mọi người dân một nền giáo dục cơ bản có tính cách bắt buộc và miễn phí. Mọi người dân có quyền theo đuổi học vấn. Những người có khả năng mà không có phương tiện riêng, sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học vấn. Quốc gia thừa nhận phụ huynh có quyền chọn trường cho con em, các đoàn thể và tư nhân mở trường theo điều kiện luật qui định.” [11, tr. 28]

Năm 1957, Đại hội Văn hóa Toàn quốc quy tụ hơn 1.400 đại biểu họp tại Sài Gòn từ ngày 07/01/1957 đến ngày 15/01/1957 đã đúc kết về việc cần phải “đề ra những nguyên tắc căn bản của nền giáo dục mới: phải làm cho học sinh đỡ lệ thuộc mảnh bèo, phải xây dựng cho học sinh quan niệm học để phụng sự quốc gia, phụng sự nhân loại, giúp cho học sinh những kiến thức phổ thông cần thiết và đầy đủ cùng nghề nghiệp để có thể sống tự lập ...” [15, tr. 383] Tuy thế, “những ý tưởng giáo dục mới” vẫn đang trong giai đoạn “bàn cãi rất nhiều”. Phải đến Hội thảo Giáo dục Toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức tại Sài Gòn (1958) quy tụ nhiều thân hào nhân sĩ, học giả, phụ huynh học sinh, đại diện quân đội, chính quyền và các tổ chức quần chúng, đại diện ngành văn hóa và giáo dục các cấp từ tiểu học đến đại học, từ phổ thông đến kỹ thuật... thì triết lý giáo dục của miền Nam mới được thống nhất với ba nguyên tắc: *nhân bản, dân tộc và khai phóng*.

Quá trình “chọn lựa” các nguyên tắc cho nền giáo dục của chính quyền Sài Gòn như vậy đã có sự cân nhắc, kế thừa truyền thống giáo dục lâu đời của dân tộc đồng thời thâm nhận những điểm tích cực của tư duy giáo dục phương Tây, những quan điểm giáo dục mới của thời đại.

+ Nền giáo dục có tính “nhân bản” (humanistic education): nền giáo dục phải đề cao giá trị của con người; con người được coi là cứu cánh chứ không phải là một công cụ phục vụ cho một mục tiêu của bất cứ cá nhân, đảng phái hay tổ chức nào.

+ Nền giáo dục có tính “dân tộc” (nationalistic education): giáo dục phải tôn trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chương trình học phải gây được nơi học sinh “ý thức về quốc gia dân tộc Việt Nam, gây sự tự hào và lòng yêu nước ở thế hệ trẻ”.

+ Nền giáo dục phải có tính “khai phóng” (liberal education): nguyên tắc này đòi hỏi chương trình giáo dục phải có “tính cách mở rộng cửa để đón nhận những tư tưởng, những kiến thức khoa học tiến bộ ở mọi nơi để tạo số vốn hiểu biết phong phú, tân tiến và hiện đại chớ không đóng kín chặt hẹp trong một hệ thống lý thuyết hay tư tưởng nào.” [4, tr. 544; 9, tr. 24-25].

Việc xác định các nguyên tắc định hướng cho nền giáo dục đã giúp cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa xây dựng được các mục tiêu giáo dục cụ thể; giúp cho việc hoạch định đường lối chính sách, phương pháp sư phạm, chương trình học và cách thức tổ chức quản trị giáo dục phù hợp. Từ những nguyên tắc căn bản nhân bản - dân tộc - khai phóng, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã đề ra những mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục, đó là:

+ Phát triển toàn diện mỗi cá nhân. Trong tinh thần tôn trọng nhân cách và giá trị của cá nhân học sinh, giáo dục hướng vào việc phát triển toàn diện mỗi cá nhân theo bản tính tự nhiên của mỗi người và theo những quy luật phát triển tự nhiên cả về thể chất lẫn tâm lý. Nhân cách và khả năng riêng của học sinh được lưu ý đúng mức. Cung cấp cho học sinh đầy đủ thông tin và dữ kiện để học sinh phán đoán, lựa chọn; không che giấu thông tin hay chỉ cung cấp những thông tin chọn lọc thiếu trung thực theo một chủ trương, hướng đi định sẵn nào.

+ Phát triển tinh thần quốc gia ở mỗi học sinh. Điều này thực hiện bằng cách: giúp học sinh hiểu biết hoàn cảnh xã hội, môi trường sống và lối sống của người dân; giúp học sinh hiểu biết lịch sử nước nhà, yêu thương xứ sở mình, ca ngợi tinh thần đoàn kết, tranh đấu của người dân trong việc chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc; giúp học sinh học tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt một cách có hiệu quả; giúp học sinh nhận biết nét đẹp của quê hương xứ sở, những tài nguyên phong phú của quốc gia, những phẩm hạnh truyền thống của dân tộc; giúp học sinh bảo tồn những truyền thống tốt đẹp, những phong tục giá trị của quốc gia; giúp học sinh có tinh thần tự tin, tự lực, và tự lập.

+ Phát triển tinh thần dân chủ và tinh thần khoa học. Điều này thực hiện bằng cách: giúp học sinh tổ chức những nhóm làm việc độc lập qua đó phát triển tinh thần cộng đồng và ý thức tập thể; giúp học sinh phát triển óc phán đoán với tinh thần trách nhiệm và kỉ luật; giúp phát triển tính tò mò và tinh thần khoa học; giúp học sinh có khả năng tiếp nhận những giá trị văn hóa của nhân loại [3, tr. 20-21].

Đại hội Giáo dục Toàn quốc được tổ chức từ ngày 10/10/1964 đến ngày 22/10/1964 tiếp tục khẳng định lại các mục tiêu “nhân bản”, “dân tộc” và “khai phóng” trước đó một cách mạnh mẽ và cụ thể hơn⁴. Xác định công việc chính của trường học là dạy các nguyên tắc cơ bản để giúp một con người trưởng thành/trở thành một công dân với những mối quan hệ xã hội của nó, Đại hội đã thông qua 4 mục tiêu của nền giáo dục:

1. Tạo khung cảnh và điều kiện thuận tiện cho mọi công dân phát triển nhân phẩm quân bình về ba phương diện: đức, trí, thể dục theo khả năng và chí hướng.

⁴ Quyết nghị số 1 ngày 14/10/1964 của Đại hội Giáo dục Toàn quốc về các nguyên tắc định hướng của chính sách giáo dục. [7, tr. 110]

2. Đào tạo những con người đủ khả năng chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cần thiết cho mọi ngành sinh hoạt quốc gia.

3. Phát huy nền văn hóa dân tộc và thu nhận tinh hoa của văn minh thế giới.

4. Cấp thời phát triển 2 ngành giáo dục kỹ thuật và nông nghiệp để góp phần vào việc nâng cao mức sống toàn dân⁵.

Đến năm 1972, Hội đồng Văn hóa Giáo dục tiếp tục khẳng định những nguyên tắc, tôn chỉ căn bản của nền giáo dục Việt Nam Cộng hòa:

“Nhân bản: Nền giáo dục Việt Nam đặt con người là cứu cánh, tôn trọng những giá trị thiêng liêng của con người và hướng dẫn sự phát triển quân bình và toàn diện của mỗi người và mọi người.

Dân tộc: nền giáo dục Việt Nam dựa trên căn bản văn hóa dân tộc, tôn trọng, bảo vệ và phát huy những giá trị truyền thống và tinh thần dân tộc, nhằm bảo đảm sự đoàn kết và trường tồn của dân tộc, thực hiện sự phát triển điều hòa và toàn diện của quốc gia.

Khai phóng: Nền giáo dục Việt Nam không ngừng hướng tới sự tiến bộ, tôn trọng tinh thần khoa học rộng rãi, đón nhận những tinh hoa văn hóa thế giới, tích cực đóng góp vào sự thăng tiến nhân loại, sự cảm thông và hòa hợp giữa các dân tộc.” [8, tr. 24].

Xem xét sự phát triển của giáo dục ở miền Nam Việt Nam giữa thế kỷ XX chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng, triết lý/các nguyên tắc “nhân bản - dân tộc - khai phóng” của nền giáo dục Việt Nam Cộng hòa - chính thể tồn tại ở miền Nam Việt Nam từ năm 1955 đến năm 1975 - được hình thành dựa trên căn bản truyền thống văn hóa, truyền thống giáo dục được định hình từ sớm của dân tộc. Đó là truyền thống coi trọng con người/người học (nhân bản). Tuy yếu tố này ít nhiều bị khúc xạ, biến đổi dưới tác động của tư tưởng Nho học và văn hóa Trung Hoa qua ngàn năm lịch sử. Nhân bản - suy cho cùng là những giá trị phổ quát, trường cửu của lịch sử văn minh nhân loại. Và trong tư duy giáo dục của người Việt, dù là truyền thống hay đương đại, nó đều được thể hiện bằng cách này hay cách khác, tùy thuộc vào bối cảnh xã hội đương thời.

Nếu tinh thần nhân bản lấy con người làm trung tâm, làm cứu cánh/mục đích cho các hoạt động giáo dục thì nguyên tắc dân tộc trong quan niệm về giáo dục con người là sự đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống văn hóa - lịch sử của giống nòi. Tuy đây là đặc điểm không chỉ có ở người Việt, nhưng với người Việt Nam, đây là nhu cầu

⁵ Quyết nghị số 2 ngày 15/10/1964 của Đại hội Giáo dục Toàn quốc về các mục tiêu của nền giáo dục Việt Nam. [7, tr. 110]

tự thân có tính bắt buộc nhằm tạo ra sức mạnh, sức đề kháng tinh thần để đối chọi/bảo vệ cho sự tồn tại bền vững của dân tộc mình⁶.

Ở miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955 - 1975, tuy chính quyền Việt Nam Cộng hòa ngay từ sớm đã định hình triết lý cho nền giáo dục là “nhân bản - dân tộc - khai phóng” (hay “dân tộc - khoa học - nhân bản”, Hiến pháp 1967) nhưng trên thực tế, các nguyên tắc và ý tưởng này chưa thực hiện được một cách đầy đủ trong các khía cạnh khác nhau của đời sống giáo dục cũng như trong xã hội miền Nam bởi tình trạng chiến tranh kéo dài. Tác dụng của nó vì thế dường như bị giới hạn trong những vấn đề có tính thời đoạn (ngắn hạn) của nền giáo dục miền Nam.

3. THAY LỜI KẾT LUẬN

Sự thâm nhập truyền thống giáo dục khai phóng phương Tây - thông qua sự hiện diện của giáo dục Pháp ở Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XIX - là điều kiện quan trọng để hình thành nên tư duy/triết lý giáo dục Việt Nam cận hiện đại nói chung. Và đó gần như là nhu cầu thời đại có tính bắt buộc nếu chúng ta đặt trong bối cảnh văn minh phương Tây đang chiếm ưu thế và đang trong quá trình mở rộng ảnh hưởng ra hầu khắp các lục địa suốt mấy thế kỷ (bắt đầu từ thế kỷ XVI).

Ở Việt Nam, kể từ khi cơ sở giáo dục đầu tiên của người Pháp (trường D'Adran) được mở ở Nam Kỳ ngày 21/9/1861, sự thắng thế của giáo dục Pháp trong sự đối chọi với giáo dục, khoa cử Hán học truyền thống ngày càng biểu hiện rõ nét, thể hiện qua các đợt cải cách giáo dục lần thứ nhất (1906) đánh dấu sự ra đời của nền giáo dục “Pháp - Việt” (đặc biệt ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ) và đợt cải cách giáo dục lần thứ hai (1917) với sự ra đời của Học chính Tổng quy. Tiếp tục xu hướng thắng thế đó của giáo dục phương Tây ở Việt Nam là sự ra đời và phát triển của hệ thống giáo dục bậc cao với nhiều trường cao đẳng, viện đại học được hình thành trong những thập kỉ sau đó (tiêu biểu là Viện Đại học Đông Dương).

Như thế có thể thấy rằng, việc tiếp thu những thành tựu của văn minh phương Tây - thể hiện qua việc đề cao sự tiếp nhận các yếu tố tiến bộ về khoa học, kỹ thuật đặc biệt là giáo dục phương Tây/giáo dục Pháp - gần như là xu thế không thể đảo ngược và nhu cầu bắt buộc của người Việt Nam thời cận đại, ngay cả trong hoàn cảnh đất nước đang bị chính thực dân Pháp đô hộ. Tinh thần khai phóng - mà cách hiểu phổ biến là tinh thần ham học hỏi cái hay, cái mới, cái tiến bộ của thời đại được biểu hiện qua nhiều sự kiện, diễn biến, nhiều phong trào của lịch sử Việt Nam cận hiện đại,

⁶ Tư duy ấy không chỉ thể hiện qua triết lý giáo dục của chính quyền Việt Nam Cộng hòa thời kỳ 1955-1975 mà còn được thể hiện rõ qua quan điểm phát triển văn hóa giáo dục của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước đó (3 nguyên tắc: dân tộc hóa - đại chúng hóa - khoa học hóa, *Đề cương văn hóa Việt Nam*, 1943).

trong đó nổi bật nhất có thể kể đến các phong trào Duy Tân, Đông Du và sự ra đời cùng những hoạt động phong phú của trường Đông Kinh Nghĩa Thục (1907).

Tiếp nối truyền thống khai phóng sôi nổi từ đầu thế kỷ XX đó, trong quá trình định vị các nguyên tắc cho nền giáo dục Việt Nam Cộng hòa thời gian đầu, chính thể này đã sớm khẳng định khai phóng là một trong ba nguyên tắc của nền giáo dục. Tìm hiểu triết lý giáo dục Việt Nam hiện đại, chúng ta dễ dàng nhận ra rằng, tinh thần khai phóng, giáo dục khai phóng là một khía cạnh thường được chú ý của triết lý giáo dục Việt Nam Cộng hòa (bên cạnh hai nguyên tắc: nhân bản, dân tộc gần như là yêu cầu bắt buộc/đương nhiên phải có của triết lý giáo dục Việt Nam đương đại).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Trọng Báu (2015). *Nền giáo dục “Pháp - Việt” (1861-1945)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2]. Vũ Đức Bằng (1975). “Đại học tư lập đầu tiên tại Việt Nam hiện đại”, Tạp chí *Tư tưởng*, số 48, tr. 103-119.
- [3]. Trần Văn Chánh (2014). “Giáo dục miền Nam Việt Nam (1954 - 1975) trên con đường xây dựng và phát triển”, Tạp chí *Nghiên cứu và phát triển*, số 7-8 (114-115), tr. 4-52.
- [4]. Ngô Bảo Châu, Pierre D., Cao Huy Thuần và các tác giả (2014). *Đại học Humboldt 200 năm (1810 - 2010) - kinh nghiệm thế giới và Việt Nam*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [5]. Đại học Quốc gia Hà Nội (2008). *100 năm Đông Kinh nghĩa thực và công cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Xuân Hoài (2011). *Chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1955-1963*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7]. Hội đồng Quốc gia Giáo dục (1969). *Kỷ yếu*, Hội đồng Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn.
- [8]. Hội đồng Văn hóa Giáo dục, Việt Nam Cộng hòa (1972). *Chính sách văn hóa giáo dục*, Sài Gòn.
- [9]. Nguyễn Thanh Liêm (2006). “Giáo dục ở miền Nam Việt Nam từ xưa đến hết Đệ Nhật Cộng hòa” in trong *Giáo dục ở Miền Nam tự do trước 1975*, Nguyễn Thanh Liêm (cb), Lê Văn Duyệt Foundation và Tập san Nghiên cứu Văn hóa Đồng Nai Cửu Long, U.S.A, tr. 12-50.
- [10]. Nguyễn Tiến Lực (2013). *Fukuzawa Yukichi & Nguyễn Trường Tộ - tư tưởng cải cách giáo dục*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [11]. Republic of Vietnam (1956). *The Constitution of the Republic of Vietnam*, The Secretariat of State for Information, Saigon.
- [12]. Chương Thâu (2007). “Từ Khánh Ứng nghĩa thực ở Nhật Bản đến Đông Kinh nghĩa thực ở Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2-2007, tr. 7-14.
- [13]. Chương Thâu (2007). *Góp phần tìm hiểu Nho giáo, nho sỹ, trí thức Việt Nam trước năm 1945*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [14]. Nguyễn Văn Trung (1967). *Góp phần phê phán giáo dục và đại học*, Trình bày xuất bản, Sài Gòn.
- [15]. Việt Nam Cộng hòa (1957). *Đại hội Văn hóa Toàn quốc 1957*, tài liệu lưu trữ, Sài Gòn.
- [16]. Zakaria, Fareed (2017). *Biện hộ cho một nền giáo dục khai phóng*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

LIBERAL EDUCATION AND FORMATION OF THE REPUBLIC OF VIETNAM'S EDUCATIONAL PHILOSOPHY (1955-1975)

Pham Ngoc Bao Liem

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: baoliem@husc.edu.vn

ABSTRACTS

After the Republic of Vietnam government was established in the South of Vietnam in 1955, education was taken into consideration by many different classes in society. However, the government's education policy was not well-defined in the early stage. Until 1958, when the first National Congress of Education was held in Saigon, the educational philosophy of the Republic of Vietnam was affirmed with three principles: humanity, ethnicity and liberation.

The acceptance of the rational principles of the Western educational tradition - which was present and developed in Vietnam from the late 19th century to the early 20th century, has significantly shaped the educational philosophy of the Republic of Vietnam.

The identification of guiding principles for education helped the Republic of Vietnam's government establish specific goals of education; make appropriate policies for the development of education, curriculum, pedagogy, curriculum and management models.

Keywords: liberal education, educational philosophy, The Republic of Vietnam, 1955-1975



Phạm Ngọc Bảo Liêm sinh ngày 05/6/1982 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân ngành Lịch sử năm 2005; thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử năm 2009 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Ông nhận học vị tiến sĩ năm 2020 tại Đại học Huế. Hiện nay, ông công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: lịch sử Việt Nam hiện đại, lịch sử giáo dục, lí luận sử học.